TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:02/2020/HNGĐ - PT
Ngày: 09/01/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến
Ông Tạ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Phương Anh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLPT- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án h«n nh©n gia ®×nh sơ thẩm số: 38/2019/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2019/QĐXXPT - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Vi T, sinh năm 1978(Có mặt).

ĐKHKTT: SN 19, tổ 20B, phố M, phường T, TP. V, tỉnh Phú Thọ;

Tạm trú: Khu 12, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị Trần Thị Thu A, sinh năm 1978(có mặt).

ĐKHKTT: SN 19, tổ 20B, phố M, phường T, TP. V, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Vi T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn là anh Nguyễn Vi T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thu A có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2004 tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T và chị A sống cùng với bố mẹ vợ tại Số nhà 19, tổ 20B, phố M, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh

phúc đến khoảng tháng 9 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Tuy đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, không ai quan tâm đến ai. Tháng 3 năm 2019 anh T đã nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố V. Do có suy nghĩ có thể cứu vãn được cuộc hôn nhân nên anh đã rút đơn khởi kiện để cả hai cùng suy nghĩ và hành động để có thể hàn gắn trở lại. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố V đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Trong thời gian từ tháng 4 năm 2019, anh T đã ra ngoài sống riêng. Mặc dù anh chị đã suy nghĩ và hành động để có thể cứu vãn được cuộc hôn nhân nhưng vợ chồng không thể hòa hợp lại. Hiện nay vợ chồng đều mệt mỏi, sống không quan tâm đến ai, không xây dựng gia đình hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A. Tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Vi T nộp thêm tài liệu chứng cứ là đơn xin xác nhận tạm trú của công an xã P ngày 7/9/2019 về việc anh Nguyễn Vi T có hộ khẩu tạm trú tại xã P từ ngày 01/4/2019 đến nay.

Về con chung: Anh Nguyễn Vi T xác định vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh B, sinh ngày 14/02/2006 và cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 23/9/2010. Hiện nay 02 con chung đang ở với chị A.

Khi ly hôn đặt ra anh T đồng ý giao Cháu B và cháu C cho chị A được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A là 1.000.000 đồng/ 1 cháu/ tháng. Tổng là 2.000.000 đồng/ 2 cháu/ 1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo quý.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Vi T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh Nguyễn Vi T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị Thu A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A thống nhất với trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, con chung. Nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị A theo chị A là quá trình vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì. Anh T không chịu quan tâm đến gia đình là do khoảng tháng 9/2018 chị A nghi ngờ anh T có người phụ nữ bên ngoài nên bỏ bê vợ con. Sự việc này chị đã gặp người phụ nữ kia để nói chuyện nhưng chị không có tài liệu chứng cứ để giao nộp cho Tòa án. Khoảng tháng 10/2018 hai vợ chồng chị vẫn cùng nhau đi khám hiếm muộn vì có ý định sinh con trai.

Từ tháng 4/2019, do yêu cầu nhiệm vụ công tác và gia đình ở xa nên anh T đã ra ở tại khu tập thể - Trung tâm y tế huyện N tại xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ, nhưng khi gia đình có việc thì anh T vẫn về nhà, và tháng 9 năm 2019 anh T còn đi du lịch cùng gia đình và vợ con.

Nay anh T xin ly hôn chị A xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn,
chị A xin được đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng và cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị thống nhất xác định vợ chồng có hai con 2 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh B, sinh ngày 14/02/2006 và cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 23/9/2010. Hiện nay hai con chung đang do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu giải quyết về con. Nhưng nếu Tòa án có giải quyết ly hôn thì chị A nhất trí việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con như anh T đã trình bày.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu A xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị thống nhất xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2019/HNGĐ-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ: Điều 5, Điều 19; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Vi Văn T đối với chị Trần Thị Thu A.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/10/2019 anh Nguyễn Vi T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Thu A.

T¹i phiên tòa phóc thÈm anh T vÉn gi÷ nguyª n yª u cÇu kh¸ng c¸o.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiên đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2019/HNGĐ-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thời hạn, hình thức đơn kháng cáo của anh T: Đơn làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Anh T đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị A với các lý do sau: Anh cho rằng anh không còn tình cảm, yêu thương với chị A; cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm

trọng do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế; đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về nội dung kháng cáo của anh T Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T và chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T và chung sống với nhau đã được 15 năm. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị A nghi ngờ anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ tháng 4/2019, do yêu cầu nhiệm vụ công tác và gia đình ở xa nên anh T đã ra ở tại Khu tập thể - Trung tâm y tế huyện N tại xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ nên có phần xao nhãng, không quan tâm đến chị A và các con. Trong thời gian này, chị A vẫn chăm lo cho hai con chu đáo và làm tròn trách nhiệm của một người vợ, người mẹ trong gia đình; vẫn thương yêu, chung thủy, quan tâm đến anh T và bỏ qua cho anh T khi nghi ngờ anh có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Quá trình anh T ở riêng, anh T thừa nhận vẫn thỉnh thoảng chủ động về nhà, thăm chơi cùng các con và đi du lịch cùng gia đình nhưng anh cho rằng đó là vì con cái. Bên cạnh đó, qua xác minh tình trạng hôn nhân của anh T chị A được địa phương cung cấp quá trình anh chị chung sống tại địa phương sống hòa thuận, hạnh phúc không thấy cãi chửi nhau (BL 37). Bà Vũ Thị C - mẹ đẻ chị A là người sống cùng nhà với chị A anh T và ông Nguyễn Vi P là bố đẻ anh T cũng trình bày vợ chồng anh chị T, A sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì. Từ đó cho thấy cuộc sống vợ chồng của anh T chị A chưa đến mức trầm trọng, hơn nữa nguyện vọng của hai con chung mong muốn có bố mẹ để gia đình đoàn tụ, cùng xây dựng, vun đắp hạnh phúc; bố mẹ cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Tại cấp phúc thẩm anh T cũng không nộp bổ sung tài liệu chứng cứ gì khác, theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân gia đình xét thấy không có căn cứ cho ly hôn theo yêu cầu của một bên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố V xử bác đơn của anh T là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo xin được ly hôn của anh T không có cơ sở không được chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh Thắng phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Cần giữ nguyên.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo xin được ly hôn của anh Nguyễn Vi T. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2019/HNGĐ-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ: Điều 5, Điều 19; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4

Điều 147, điều 148, điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.VÒ quan hÖ h«n nh©n: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Vi T đối với chị Trần Thị Thu A.

2. VÒ con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Vi T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0000277 ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ).

Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Vi T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000604 ngày 22/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND TP V;
- CCTHADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương